

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và
Bộ Tài chính để giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Thứ trưởng

Đàm Hữu Đắc

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Huỳnh Thị Nhân

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải số 21/2004/
QĐ-BGTVT ngày 02/11/2004
quy định chức năng, nhiệm
vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ
chức của Thanh tra Bộ Giao
thông vận tải.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI**

*Căn cứ Luật Thanh tra số 22/2004/
QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP
ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao
thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2004/NĐ-CP
ngày 16 tháng 6 năm 2004 của Chính
phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh
tra giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ
và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng

Thanh tra Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi là Thanh tra Bộ) là cơ quan của Bộ Giao thông vận tải, thuộc hệ thống tổ chức Thanh tra giao thông vận tải, thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

Thanh tra Bộ hoạt động dưới sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

Thanh tra Bộ có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, được sử dụng con dấu của Bộ khi Chánh Thanh tra Bộ ký văn bản thừa lệnh Bộ trưởng.

Thanh tra Bộ có tên giao dịch viết bằng tiếng Anh: Ministry of Transport Inspectorate, viết tắt là: MTI.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

1. Tham gia xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về công tác thanh tra; chủ trì hoặc tham gia xây

dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Thanh tra giao thông vận tải trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao đổi với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; thanh tra các vụ việc khác do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao.

3. Thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành giao thông vận tải của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước; xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thực hiện công tác phòng ngừa, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giúp Bộ trưởng tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

5. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra đổi với Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, chương trình, kế hoạch công tác, nghiệp vụ thanh tra.

6. Quản lý, chỉ đạo về công tác, tổ chức và hoạt động nghiệp vụ thanh tra đổi với Thanh tra Cục thuộc Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi là Thanh tra Cục); chủ trì, phối hợp với Thanh tra Cục hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra Sở Giao thông vận tải (hoặc Sở Giao thông công chính).

7. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý ngành giao thông vận tải; kiến nghị đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quyết định trái pháp luật được phát hiện qua công tác thanh tra.

8. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra.

9. Phối hợp với các cơ quan có liên quan để đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra cho Thanh tra viên, cộng tác viên thanh tra, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

10. Phối hợp với Thanh tra các Bộ, ngành, chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan liên quan trong quá trình thanh tra và thực hiện công tác phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

11. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng ngừa, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải.

12. Quản lý tổ chức, biên chế, tài chính, tài sản được giao theo quy định.

13. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải; trực tiếp quản lý, điều hành cơ quan Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Quyết định này và các quy định khác của pháp luật.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định thanh tra theo thẩm quyền.

4. Quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra để thực hiện quyết định thanh tra hoặc phân công Thanh tra viên thuộc hệ thống tổ chức Thanh tra giao thông vận tải thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

5. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tạm đình chỉ thi hành quyết định sai trái về công tác thanh tra của cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Giao thông vận tải.

6. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

7. Kiểm tra, xác minh, ra quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quyết định xử lý vi phạm của Chánh Thanh tra Cục, nếu có căn cứ xác định quyết định đó trái pháp luật hoặc gây thiệt hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

8. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét trách nhiệm, xử lý người

có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng; phối hợp với người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức đó.

9. Căn cứ báo cáo kết quả thanh tra của Đoàn thanh tra để kết luận về nội dung thanh tra, đối với trường hợp Chánh Thanh tra Bộ ra quyết định thanh tra.

10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Thanh tra Bộ được tổ chức thành các Phòng, bao gồm:

a) Phòng Tổng hợp: tham mưu, giúp Chánh Thanh tra Bộ về công tác kế hoạch - tổng hợp; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, quản lý tiêu chuẩn chức danh thanh tra viên giao thông vận tải; quản lý tài chính - tài sản của Thanh tra Bộ; công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng ngừa, chống tham nhũng ở cơ quan Bộ Giao thông vận tải.

b) Phòng thanh tra I: tham mưu, giúp Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng ngừa, chống tham nhũng thuộc các lĩnh vực giao thông vận tải đường bộ và hàng không.

c) Phòng thanh tra II: tham mưu, giúp Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng ngừa, chống tham nhũng thuộc các lĩnh vực giao thông vận tải đường sông, đường sắt và hàng hải.

Khi xét thấy cần thiết, Chánh Thanh tra Bộ trình Bộ trưởng thành lập thêm hoặc giải thể Phòng thuộc Thanh tra Bộ.

Chánh Thanh tra Bộ quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ làm việc của các Phòng.

2. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra Bộ, Phó Chánh Thanh tra Bộ, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Thanh tra viên và Chuyên viên (nếu có).

Chánh Thanh tra Bộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi thống nhất với Tổng thanh tra. Phó Chánh Thanh tra Bộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chánh Thanh tra Bộ bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Thanh tra viên được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Biên chế của Thanh tra Bộ thuộc biên chế hành chính của Bộ Giao thông vận tải do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định giao hàng năm.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 1151/QĐ-TTr ngày 12 tháng 6 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động thanh tra của Bộ Giao thông vận tải; bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh

tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI

Đào Đinh Bình

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI**

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
**Lao động - Thương binh và Xã
hội số 1295/2004/QĐ-BLĐTBXH**
ngày 21/9/2004 về việc ban hành
**Quy chế hoạt động của Tổ
công tác liên ngành phòng,
chống tệ nạn mại dâm.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI**

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP
ngày 05/11/2002 của Chính phủ về quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 29/2003/NĐ-CP
ngày 31/3/2003 của Chính phủ về chức
năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ
máy của Bộ Lao động - Thương binh và
Xã hội;